

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 29-4-2025  
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Văn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hồng Hạnh, bà Cao Thị Chuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:**  
Bà Đỗ Thanh Loan và bà Lương Chi Phương - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 420/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1979. Vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm 1967. Vắng mặt.

HKTT: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam H, Cục C, Bộ C1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh M đăng ký kết hôn ngày 13-5-2010, tại UBND phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến năm 2015 anh M đi chấp hành án phạt tù mức án 13 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Trại giam H1 nên giữa chị và

anh M có những khoảng cách không thể hàn gắn được. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh M.

Về nuôi con: Chị và anh M có 01 con chung là Nguyễn Đại Gia B, sinh ngày 27-01-2013. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh M từ chối nhận các văn bản tố tụng, không làm bản tự khai hay trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án đến khi nghị án đã đúng theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thanh M, giao cháu Nguyễn Đại Gia B cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh M không phải cấp dưỡng nuôi con và đề nghị giải quyết các vấn đề về án phí, kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn anh Nguyễn Thanh M có hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thanh M ngày 13-5-2010, tại UBND phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị T trình bày vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh M đi chấp hành án nên vợ chồng có khoảng cách không thể hàn gắn được. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho được ly hôn. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành làm việc trực tiếp nhưng anh M không làm bản tự khai, từ chối để Tòa án lấy lời khai, thể hiện anh M không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị T và

anh M đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thanh M có 01 con chung là Nguyễn Đại Gia B, sinh ngày 27-01-2013. Chị T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B. Anh M không có ý kiến gì. Xét thấy, cháu Trần Đại Gia B1 hiện đang sinh sống ổn định cùng mẹ. Mặt khác, anh Nguyễn Thanh M hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam H1, không có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Việc giao cháu B1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu B1 và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần giao cháu Trần Đại Gia B1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp và có căn cứ pháp luật. Do chị T không yêu cầu nên anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Về hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thanh M.

**2.** Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Đại Gia B, sinh ngày 27-01-2013 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

**3.** Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2024/0001190 ngày 18-11-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị T đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Thanh M không phải chịu tiền án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Trần Thị T, anh Nguyễn Thanh M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường Hồng Hà, TP. Yên Bái.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Văn**

